TAND HUYỆN THANH BA **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **182** /2019/QĐST-HNGĐ	*Thanh Ba, ngày 04 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **211**/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị ***Nguyễn Thị T*** - Sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Anh ***Chu Thanh N*** - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Thanh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Thanh N đều thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Thanh N đều xác nhận có 02 con chung và tự nguyện thỏa thuận như sau: Chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Chu Khánh V - Sinh ngày 17/7/2014; Anh Chu Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Chu Khánh L - Sinh ngày 14/10/2012 (Hiện nay hai con chung đang ở với chị T). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

Không ai có quyền ngăn cản việc thăm nom con chung.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Thanh N thống nhất không yêu cầu định giá, thẩm định tài sản và tự nguyện thỏa thuận như sau:

Chị T được toàn quyền sở hữu và sử dụng tài sản chung gồm:

- 01 thửa đất số 291, tờ bản đồ số 54, diện tích 792,0m^2 (Trong đó: Loại đất ONT 100,0m^2, loại đất CLN 692,0m^2 là đất trồng cây lâu năm), địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 000xxx, ngày 17/12/2015, mang tên bà Nguyễn Thị T. Cùng toàn bộ tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp bốn gồm: 03 phòng ngủ, 01 phòng khách và 01 bếp ăn, công trình phụ cùng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Hiện đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất chị T đang quản lý. *(Trong 792,0m^2 đất có 70,2m^2 đất theo chỉ giới 1,2,6,7,1 nằm trong hành lang giao thông - Hạn chế quyền sử dụng đất, không được xây dựng)*.

- 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát: 19K1.285.xx, đăng ký tên Chu Thanh N (Hiện nay xe mô tô và đăng ký xe chị Thúy đang quản lý).

Anh N được toàn quyền sở hữu và sử dụng tài sản chung gồm:

- 01 thửa đất số 289, tờ bản đồ số 54, diện tích 1141,0m^2 (Trong đó: Loại đất ONT 100,0m^2, loại đất LNK 1041,0m^2), địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 000314, ngày 15/01/2014, mang tên ông Chu Thanh N. Hiện đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh N đang quản lý. *(Trong 1141,0m^2 đất có 114,0m^2 đất LNK theo chỉ giới 1,2,8,9,1 nằm trong hành lang giao thông - Hạn chế quyền sử dụng đất, không được xây dựng)*.

- 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Air blade, biểm kiểm soát: 19K1-22.xxx, đăng ký tên Nguyễn Thị T (Hiện nay xe mô tô và đăng ký xe anh N đang quản lý).

- 01 chiếc giường 1,8m x 2,0m + 1 đệm (Chị T đang quản lý).

- 01 bộ bàn ghế sa lông cũ (Chị T đang quản lý)

- 01 bộ âm ly + loa (Chị T đang quản lý).

Không bên nào phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bên nào.

2.4. Công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Thanh N tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này.

2.5. Về công sức đóng góp cho gia đình và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Thanh N đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

2.6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nhận nộp cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0001798 ngày 29/8/2019 tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Xuân